

Số: 2118 /QĐ-CTHADS-KHTC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi phí thi hành án dân sự năm 2022

#### CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2104 /QĐ-TCTHADS ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi phí thi hành án dân sự năm 2022.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi phí thi hành án dân sự năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Phòng Kế hoạch Tài chính Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Q. Cục trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT-KHTC.

KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Trần Phương Hồng



TỔNG CỤC THỊ HÀNH AN DÂN SỰ  
CỤC THỊ HÀNH AN DÂN SỰ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Chương 014 - Loại 340 - Khoản 341

**Biểu số 02**

(Ban hành kèm theo Thông tư  
90/2018/TT - BTC ngày 28/9/2019 của  
Bộ Tài chính)

## DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 2118.../QĐ - CTHADS - KHTC ngày 21.../8.../2022 của Cục trưởng Cục Thị hành an dân sự  
thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	-
1	Nộp Ngân sách Nhà nước	614.179
2	Nộp TC THA	(163.799)
3	Đơn vị sử dụng	(450.380)
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>(450.380)</b>
	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>(450.380)</b>
a	Tiết kiệm 40% để cải cách tiền lương	(2.440.189)
b	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.989.809
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	

Số: 2119 /QĐ-CTHADS-KHTC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi phí thi hành án dân sự năm 2022

#### CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 640/QĐ-TCTHADS ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi phí thi hành án dân sự năm 2022.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2022 của các đơn vị (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Phòng Kế hoạch Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Q. Cục trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT-KHTC.

KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Trần Phương Hồng



**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 2119 /QĐ - CTHADS - KHTC ngày 21/8/2022 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó									
				VP cục	TP. Thủ Đức	Quận 1	Quận 3	Quận 4	Quận 5	Quận 6	Quận 7	Quận 8	Quận 10
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>												
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Nộp Ngân sách Nhà nước	1.934.723	1.934.723	614.179	133.999	109.377	50.612	10.754	25.264	46.559	123.460	7.852	79.888
2	Nộp TCTHADS	(515.980)	(515.980)	(163.799)	(35.737)	(29.170)	(13.498)	(2.868)	(6.738)	(12.417)	(32.926)	(2.094)	(21.306)
3	Đơn vị sử dụng	(1.418.743)	(1.418.743)	(450.380)	(98.262)	(80.207)	(37.114)	(7.886)	(18.526)	(34.142)	(90.534)	(5.758)	(58.582)
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>(1.418.743)</b>	<b>(1.418.743)</b>	<b>(450.380)</b>	<b>(98.262)</b>	<b>(80.207)</b>	<b>(37.114)</b>	<b>(7.886)</b>	<b>(18.526)</b>	<b>(34.142)</b>	<b>(90.534)</b>	<b>(5.758)</b>	<b>(58.582)</b>
	<i>Chi quản lý hành chính</i>	<b>(1.418.743)</b>	<b>(1.418.743)</b>	<b>(450.380)</b>	<b>(98.262)</b>	<b>(80.207)</b>	<b>(37.114)</b>	<b>(7.886)</b>	<b>(18.526)</b>	<b>(34.142)</b>	<b>(90.534)</b>	<b>(5.758)</b>	<b>(58.582)</b>
a	Tiết kiệm 40% để cải cách tiền lương	(7.723.823)	(7.723.823)	(2.440.189)	(532.392)	(434.561)	(201.088)	(47.124)	(100.375)	(184.981)	(490.513)	(34.408)	(317.401)
b	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.305.080	6.305.080	1.989.809	434.130	354.354	163.974	39.238	81.849	150.839	399.979	28.650	258.819
c	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		-										



STT	Nội dung													
		Quận 11	Quận 12	Gò Vấp	Phú Nhuận	Tân Bình	Tân Phú	Bình Thạnh	Bình Tân	Bình Chánh	Củ Chi	Cần Giờ	Hóc Môn	Nhà Bè
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>													
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Nộp Ngân sách Nhà nước	15.919	63.032	70.372	41.651	145.053	39.431	72.462	17.582	74.384	48.052	59.574	38.452	46.815
2	Nộp TCTHADS	(4.245)	(16.810)	(18.768)	(11.108)	(38.685)	(10.516)	(19.325)	(4.689)	(19.838)	(12.815)	(15.888)	(10.255)	(12.485)
3	Đơn vị sử dụng	(11.674)	(46.222)	(51.604)	(30.543)	(106.368)	(28.915)	(53.137)	(12.893)	(54.546)	(35.237)	(43.686)	(28.197)	(34.330)
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>(11.674)</b>	<b>(46.222)</b>	<b>(51.604)</b>	<b>(30.543)</b>	<b>(106.368)</b>	<b>(28.915)</b>	<b>(53.137)</b>	<b>(12.893)</b>	<b>(54.546)</b>	<b>(35.237)</b>	<b>(43.686)</b>	<b>(28.197)</b>	<b>(34.330)</b>
	<i>Chi quản lý hành chính</i>	<b>(11.674)</b>	<b>(46.222)</b>	<b>(51.604)</b>	<b>(30.543)</b>	<b>(106.368)</b>	<b>(28.915)</b>	<b>(53.137)</b>	<b>(12.893)</b>	<b>(54.546)</b>	<b>(35.237)</b>	<b>(43.686)</b>	<b>(28.197)</b>	<b>(34.330)</b>
a	Tiết kiệm 40% để cải cách tiền lương	(69.751)	(250.428)	(279.591)	(165.483)	(576.306)	(156.666)	(287.899)	(77.044)	(295.529)	(190.915)	(236.694)	(168.487)	(185.998)
b	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	58.077	204.206	227.987	134.940	469.938	127.751	234.762	64.151	240.983	155.678	193.008	140.290	151.668
c	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ													

